TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 78/2026/QĐST-DS	*Lâm Đồng, ngày 14 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 155, 157, 158, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ các Điều 317, 318, 319, 365, 368 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 12, 14, 15, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06/4/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 292/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- **Công ty Cổ phần M**; Địa chỉ: D N, phường B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T - chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh V và ông Trần Thanh P.

- **Ngân hàng thương mại cổ phần V1** (V1); Địa chỉ: Tòa nhà V, số H L, phường Đ, TP H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thành Xuân T1; ông Trần Duy Đ, ông Lê Đình H - Chuyên viên xử lý nợ.

Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị H1**, sinh năm: 1958; Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã H, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình T2, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã H, tỉnh L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V1 (V2) số tiền 545.615.069 (năm trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi chín) đồng.

Bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần M nợ Jupiter số tiền 5.070.052.366 (năm tỉ không trăm bảy mươi triệu không trăm năm mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi sáu) đồng.

Bà H1 còn phải chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng số LN2312011077889 ngày 06/12/2023, LN2312121193763 ngày 09/01/2024, Hợp đồng cho vay theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử (Dành cho khách hàng cá nhân) số: 309-P-9154757 ngày 01/12/2023 đã ký kết giữa bà Nguyễn Thị H1 với Ngân hàng TMCP V1 tính từ ngày 07/4/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Tỷ lệ trả lãi suất từ ngày 07/4/2026 đến khi trả hết nợ: Công ty cổ phần M nợ Jupiter hưởng 90% đối với hợp đồng tín dụng số LN2312011077889 ngày 06/12/2023, LN2312121193763 ngày 09/01/2024, 100% đối với Hợp đồng cho vay theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử (Dành cho khách hàng cá nhân) số: 309-P-9154757 ký ngày 01/12/2023. Ngân hàng TMCP V1 (V2) hưởng 10% đối với hợp đồng tín dụng số LN2312011077889 ký ngày 06/12/2023, LN2312121193763 ngày 09/01/2024.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 537, tờ bản đồ số 36 xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, nay là xã H, tỉnh Lâm Đồng (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT323190 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 17/10/2019) theo Hợp đồng thế chấp số LN2312011077889 ký ngày 06/12/2023, số công chứng 8671 tại văn phòng C, tỉnh L; Địa chỉ số E P, phường C, thành phố Đ, tỉnh L (nay là phường X - Đ); Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/12/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh L, nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực Đ theo quy định để đảm bảo cho việc thi hành án. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị H1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V1 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thi hành án.

Trường hợp có tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất thửa đất số 537, tờ bản đồ số 36 xã L, huyện Đ, tỉnh L (nay xã H, tỉnh L) giữa bà Nguyễn Thị H1 và người thứ 3 (không phải Ngân hàng TMCP V3 và Công ty cổ phần M) thì việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm được thực hiện sau khi có bản án, quyết định giải quyết tranh chấp đất có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, bà Nguyễn Thị H1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

- Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty cổ phần M số tiền chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ là 2.711.963đ (Hai triệu bảy trăm mười một nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng).

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên, bà H1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí và án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng TMCP V1 và Công ty cổ phần M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân Hàng TMCP V1 số tiền là 11.149.623 (*Mười một triệu một trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi ba)* đồng theo biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0007259 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần M số tiền là 56.058.685 (*Năm mươi sáu triệu không trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi lăm*) đồng theo biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0007260 ngày 31/10/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 2 - Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phúc

TAND KHU VỰC 2

JYW140426.TL.QDBA
1126